

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14/01/2025

"Về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN - HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đào Quang Khuyến.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Xuân Nghi, ông Triệu Duy Tỏi.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Bùi Hoàng Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Miện.

- **Đại diện VKSND huyện Thanh Miện tham gia phiên toà:** Ông Nguyễn Xuân S - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Toà án, Toà án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 198/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 43/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên toà số 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị Đ** - sinh năm 1979

Nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện P, tỉnh Hưng Yên.

- **Bị đơn:** Anh **Đỗ Văn H** - sinh năm 1980

Nơi cư trú: Thôn V, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Chị Đ xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, quá trình khai tại Toà án và các tài liệu khác có tại hồ sơ, nguyên đơn chị Trần Thị Đ trình bày: Trước khi kết hôn với anh Đỗ Văn H chị đã kết hôn với anh Nguyễn Văn P và có 01 con chung là cháu Nguyễn Thùy D vợ chồng ly hôn năm 2015. Chị và anh H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 16/01/2015. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hoà thuận, hạnh phúc được khoảng 01 năm thì bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, anh H còn chơi bời không quan tâm đến vợ con dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, anh H đã đuổi mẹ con chị đi. Tháng 7/2016 chị bỏ về nhà để ở, trong thời gian sống ly thân vợ chồng không có biện pháp nào để hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2016 đến nay không quan tâm đến cuộc sống của nhau. Chị xác định cuộc sống chung không hạnh phúc, không thể hàn gắn được, hiện chị không còn tình cảm với anh H nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 01 con chung là cháu Đỗ Bảo N, sinh ngày 20/4/2016. Cháu N đang ở với chị và có nguyện vọng được ở với mẹ. Ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục nuôi dưỡng, chị đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành, chị tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị đang làm công nhân ở xưởng may tư nhân, thu nhập bình quân gần 10.000.000 đồng/tháng. Mẹ con chị đang ở cùng với bố mẹ đẻ chị, điều kiện về chỗ ăn, chỗ ở đảm bảo. Bố mẹ chị vẫn khỏe mạnh, sẵn sàng hỗ trợ chăm sóc con cho chị khi đi làm, do vậy chị đề nghị Tòa án giao cháu N cho chị tiếp tục nuôi dưỡng. Chị không đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ tài sản chung và nợ chung, công sức.

- **Quá trình làm việc và quá trình chuẩn bị xét xử vụ án**, Tòa án đã nhiều lần triệu tập bị đơn là anh Đỗ Văn H và đã giao các văn bản tố tụng cho anh H biết, đồng thời niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh H đều vắng mặt, không hợp tác, không cung cấp tài liệu, chứng cứ và giao gửi văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung liên quan đến vụ án. Tòa án mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng anh H đều vắng mặt không lý do. Tòa án triệu tập họp lệ hai lần anh H đến phiên tòa nhưng anh H đều không có mặt tại phiên tòa.

Lời khai của người thân gia đình chị Đ là bà Đàm Thị Đ1 trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị Trần Thị Đ là bà ngoại của cháu Đỗ Bảo N. Quá trình chung sống, chị Đ, anh H có nhiều mâu thuẫn. Tháng 7/2016 chị Đ đã đưa con về ở cùng với ông bà, chị Đ anh H sống ly thân từ tháng 7/2016 đến nay không quan tâm đến nhau. Nay chị Đ xin ly hôn anh H bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị Đ. Anh H, chị Đ có 01 con chung là cháu Đỗ Bảo N, sinh ngày 20/4/2016, cháu đang ở với mẹ, bà đề nghị Tòa án giải quyết giao cho chị Đ nuôi con. Trường hợp Tòa án giao cho chị Đ nuôi con, vợ chồng bà sẵn sàng hỗ trợ và tạo điều kiện cho mẹ con chị Đ về chỗ ăn, chỗ ở và việc chăm sóc con với điều kiện tốt nhất. Quá trình chung sống anh H, chị Đ không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gì với ông bà.

Lời khai của người thân gia đình anh H là bà An Thị D1 xác định: Bà là mẹ đẻ của anh Đỗ Văn H và là bà nội của cháu Đỗ Bảo N. Quá trình chung sống anh H chị Đ sống hòa thuận được vài năm thì bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm về cách sống và cách sinh hoạt hàng ngày. Tháng 7/2016 chị Đ bỏ về nhà đẻ ở, sau khi chị Đ bỏ về nhà đẻ ở anh H có đến tìm chị Đ vài lần nhưng chị Đ không về, hai bên gia đình không gặp nhau lần nào. Anh H, chị Đ sống ly thân từ tháng 7/2016 đến nay không còn quan tâm đến nhau. Nay chị Đ xin ly hôn anh H là việc của chị Đ, bà không can thiệp, nếu chị Đ kiên quyết xin ly hôn anh H do chị Đ tự giải quyết. Anh H, chị Đ có 01 con chung là cháu Đỗ Bảo N, cháu đang ở với mẹ. Việc giải quyết nuôi dưỡng con chung đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống anh H, chị Đ không có tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp gì với bà. Anh H là lao động tự do, hiện đang đi xây, thu nhập mỗi tháng được bao nhiêu bà không nắm được. Trước đây anh H có về nhà nhưng bà không nhớ rõ ngày, tháng, năm, nào, anh H có nói với mọi người là về để làm căn cước công dân, chỉ về nhà một lúc rồi đi đâu bà không biết, bà

không biết anh H về lấy căn cước công dân từ khi nào, hiện bà không biết thông tin về anh H.

Kết quả làm việc, xác minh tại chính quyền địa phương và các đoàn thể xã C trình bày: Anh H, chị Đ có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T ngày 16/01/2015. Trong thời gian chung sống anh H, chị Đ có mâu thuẫn, còn việc mâu thuẫn cụ thể như thế nào, địa phương không nắm được, khi mâu thuẫn anh chị không mời địa phương và các đoàn thể hoà giải. Nay, chị Đ xin ly anh H, đề nghị Tòa án tiếp tục hòa giải, nếu anh chị không thể tiếp tục chung sống với nhau, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ và cấp, tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng; Hội đồng xét xử tuân theo đúng quy định của pháp luật về xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành không đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX: Áp dụng Điều 51, 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Đ được ly hôn anh Đỗ Văn H.

Về con chung: Xử giao cháu Đỗ Bảo N, sinh ngày 20/4/2016 cho chị Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị Đ tự nguyện không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung, vay nợ, công sức: Không phải giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được đòi trừ vào tiền tạm ứng án phí số 0006767 ngày 21/10/2024 chị đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Chị Trần Thị Đ là nguyên đơn có đơn khởi kiện xin ly hôn anh Đỗ Văn H là bị đơn; Nơi cư trú: thôn P, xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương; Quan hệ pháp luật là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo điểm a khoản 1 Điều 35, điều a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện. Chị Trần Thị Đ nộp đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự tố tụng dân sự. Quá trình thu thập chứng cứ anh H đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh H không hợp tác và không chấp hành giấy triệu tập, thông báo của Tòa án. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định, tại phiên tòa lần thứ hai anh H vẫn vắng mặt không có lý do, chị Đ có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228

và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Trần Thị Đ và anh Đỗ Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Hải Dương ngày 16/01/2015. Cả hai bên đều đã đủ tuổi, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ khi đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào trình bày của chị Đ, lời trình bày của đại diện hai bên gia đình và tài liệu thu thập chứng cứ có cơ sở xác định trong quá trình chung sống, chị Đ xác định vợ chồng sống hòa thuận, hạnh phúc được 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, anh H còn chơi bời không quan tâm đến vợ con. Tháng 7/2016 chị Đ đã bỏ về nhà đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau, không có biện pháp đoàn tụ. Anh H đi đâu, làm gì không liên lạc với chị Đ, không cung cấp địa chỉ, chị nhận thấy không thể tiếp tục duy trì hôn nhân, yêu cầu ly hôn. Xét thấy vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng anh H không liên lạc với chị Đ, không quan tâm đến vợ con. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H cố tình giấu địa chỉ, không về giải quyết và không gửi văn bản ghi quan điểm của anh về các nội dung của vụ án thể hiện anh không có biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, Tòa án đã tiến hành tổ chức hòa giải nhưng anh H đều vắng mặt, và cũng không có văn bản ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị Đ, anh cũng không cho chị Đ, gia đình và Tòa án biết địa chỉ hiện nay anh đang ở đâu. Tháng 01/2023 anh đã về Công an huyện T làm căn cước công dân và được cấp căn cước công dân vào tháng 02/2023, anh cố tình gây khó khăn cho việc chị Đ xin ly hôn, việc làm của anh H là thuộc trường hợp cô tình giấu địa chỉ. Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng nhưng anh H vẫn không hợp tác. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H. Từ những căn cứ nêu trên Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa chị Đ và anh H đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận nguyện vọng xin ly hôn của chị Đ xử cho chị Trần Thị Đ được ly hôn anh Đỗ Văn H là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3]. Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện đã có công văn gửi Phòng Q, Công an tỉnh H. Ngày 07/12/2024 Phòng Q, Công an tỉnh H có công văn trao đổi: Qua tra cứu trên phân hệ quản lý xuất nhập cảnh tại Công an tỉnh H, không có thông tin xuất nhập cảnh của trường hợp anh Đỗ Văn H có thông tin nhân thân như nêu tại công văn số 04/2024/CV-TA.

[4] *Về con chung*: Chị Đ, anh H có 01 con chung là cháu Đỗ Bảo N, sinh ngày 20/4/2016, chị Đ đang trực tiếp nuôi dưỡng. Xét về nguyện vọng của cháu N, cháu có nguyện vọng được ở với mẹ. Nguyện vọng của chị Đ, ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cho chị tiếp tục nuôi cháu N. Chị đang làm công ty may tư nhân thu nhập bình quân gần 10.000.000/tháng, bố mẹ chị vẫn khoẻ mạnh, sẵn sàng hỗ trợ cho chị trong việc nuôi con. Anh H là lao động tự do, thu nhập không ổn định, kinh tế gia đình khó khăn, mẹ già yếu, không có thu nhập, cháu N đang ổn định trường lớp, chỗ ăn, chỗ ở, do vậy cần giao cho chị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N.

Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ không yêu cầu anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[6] Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Chị Trần Thị Đ, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Trần Thị Đ khởi kiện vụ án Hôn nhân và gia đình nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Luật phí, lệ phí, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Xử cho chị Trần Thị Đ được ly hôn anh Đỗ Văn H.

2. *Về nuôi dưỡng con chung:* Xử giao con chung cháu Đỗ Bảo N, sinh ngày 20/4/2016 cho chị Trần Thị Đ tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị Đ về việc không yêu cầu anh Đỗ Văn H cấp dưỡng nuôi con chung. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. *Về tài sản chung, vay nợ, công sức đóng góp:* Không xem xét giải quyết.

4. *Về án phí:* Chị Trần Thị Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị đã nộp theo biên lai ký hiệu: BLTU/2023 số: 0006767 ngày 21 tháng 10 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương, chị Đ đã thực hiện xong nghĩa vụ về án phí ly hôn sơ thẩm.

5. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Cao Thắng, huyện Thanh Miện;
(để ghi vào sổ hộ tịch).
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đào Quang Khuyển